

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm KN Nghe	Điểm KN Đọc	Điểm KN Viết	Điểm KN Nói	Tổng điểm	Số chứng nhận
1	Vũ Nguyễn Hoàng An	16/11/2001	Nam	7.5	8.0	5.5	8.0	29.0	1
2	Lê Đức Anh	09/04/2002	Nam	6.5	7.0	3.0	7.5	24.0	2
3	Nguyễn Phan Anh	16/06/2004	Nữ	6.5	5.5	4.0	8.0	24.0	3
4	Nguyễn Tiến Anh	26/11/2005	Nam	5.0	9.0	4.5	8.0	26.5	4
5	Nguyễn Vân Anh	12/01/2004	Nữ	5.5	6.5	5.0	7.0	24.0	5
6	Phan Phương Anh	16/01/2004	Nữ	6.5	7.0	4.0	7.5	25.0	6
7	Phùng Quang Anh	01/01/2003	Nam	7.0	4.0	3.5	6.5	21.0	7
8	Trần Ngọc Anh	05/07/2003	Nữ	7.0	7.5	4.5	6.5	25.5	8
9	Trần Ứng Minh Anh	04/10/2004	Nữ	8.0	8.0	5.0	8.0	29.0	9
10	Nguyễn Hoàng Anh	13/10/2003	Nam	8.5	8.0	3.5	8.0	28.0	10
11	Nguyễn Huy Đức Anh	30/09/2004	Nam	7.0	7.0	5.0	6.0	25.0	11
12	Nguyễn Thị Ngọc Anh	08/09/2004	Nữ	7.0	7.5	3.0	6.5	24.0	12
13	Trần Minh Anh	01/11/2005	Nữ	9.0	8.0	5.5	8.0	30.5	13
14	Trần Thị Vân Anh	01/05/2004	Nữ	6.5	8.0	2.5	3.0	20.0	14
15	Đào Ngọc Ánh	28/08/2003	Nữ	7.0	7.0	4.0	6.5	24.5	15
16	Đỗ Thị Ánh	28/07/2004	Nữ	7.5	5.5	3.0	7.0	23.0	16
17	Phạm Thị Ngọc Ánh	01/10/2003	Nữ	6.5	6.0	6.0	7.5	26.0	17
18	Phạm Đình Bách	20/06/2001	Nam	8.0	7.0	0.5	8.0	23.5	18
19	Hoàng Tùng Bách	12/12/2003	Nam	4.5	7.0	5.5	7.5	24.5	19
20	Nguyễn Ngọc Bảo	02/04/2003	Nam	6.5	8.0	5.0	7.0	26.5	20
21	Nguyễn Duy Bình	21/08/2003	Nam	6.5	7.5	4.0	7.5	25.5	21
22	Nông Quang Bình	02/09/2003	Nam	7.0	7.5	4.5	7.5	26.5	22
23	Lê Thị Thanh Bình	14/07/2004	Nữ	6.5	4.5	5.0	6.0	22.0	23
24	Nguyễn Minh Châu	09/01/2003	Nam	7.0	6.5	4.5	8.0	26.0	24
25	Lê Thị Yên Chi	11/12/2004	Nữ	7.0	5.5	4.0	6.0	22.5	25
26	Nguyễn Linh Chi	25/12/2003	Nữ	7.0	5.0	4.0	4.0	20.0	26
27	Vũ Thị Linh Chi	13/06/2003	Nữ	5.5	5.5	3.0	7.0	21.0	27
28	Nguyễn Mai Chi	07/09/2004	Nữ	7.5	5.5	5.0	7.5	25.5	28

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm KN Nghe	Điểm KN Đọc	Điểm KN Viết	Điểm KN Nói	Tổng điểm	Số chứng nhận
29	Nguyễn Quỳnh Chi	01/12/2003	Nữ	6.5	7.0	6.5	7.5	27.5	29
30	Phạm Thị Hà Chi	02/09/2004	Nữ	8.0	8.0	6.0	7.5	29.5	30
31	Trần Thanh Chúc	26/11/2004	Nữ	7.5	6.5	3.5	3.0	20.5	31
32	Lê Thành Công	30/08/1995	Nam	7.5	7.5	4.5	6.0	25.5	32
33	Lê Thành Công	06/01/2004	Nam	7.0	8.5	4.5	2.0	22.0	33
34	Nguyễn Thị Thu Cúc	09/03/2003	Nữ	7.5	6.5	4.5	5.5	24.0	34
35	Nguyễn Việt Cường	21/07/2003	Nam	7.0	7.0	4.0	6.5	24.5	35
36	Phan Phương Cường	24/06/2003	Nam	6.0	6.0	3.5	6.0	21.5	36
37	Nguyễn Phú Cường	11/05/2003	Nam	7.0	8.5	5.0	7.5	28.0	37
38	Trần Thế Đàm	05/11/2005	Nam	6.0	6.5	5.5	6.0	24.0	38
39	Lò Thị Dần	01/11/1988	Nữ	9.0	9.0	7.0	7.0	32.0	39
40	Hà Tiến Đạt	09/03/2003	Nam	7.5	7.5	4.0	5.5	24.5	40
41	Nguyễn Tiến Đạt	15/01/2004	Nam	6.0	5.0	4.0	8.0	23.0	41
42	Trần Tân Đạt	06/04/2002	Nam	6.0	6.5	3.5	6.0	22.0	42
43	Trương Thành Đạt	26/10/2003	Nam	8.0	9.0	5.5	7.5	30.0	43
44	Nguyễn Ngọc Diệp	07/06/2003	Nữ	9.5	9.5	5.5	8.0	32.5	44
45	La Thị Hồng Diệp	06/03/2004	Nữ	5.0	7.0	4.5	6.0	22.5	45
46	Nguyễn Mạnh Đức	14/11/2004	Nam	6.0	7.5	4.5	7.0	25.0	46
47	Nguyễn Anh Đức	01/08/2003	Nam	8.5	8.5	5.0	7.0	29.0	47
48	Nguyễn Thanh Dung	27/12/2004	Nữ	8.0	8.0	2.0	5.5	23.5	48
49	Vũ Mạnh Dũng	10/03/2003	Nam	5.5	3.5	5.0	6.0	20.0	49
50	Đàm Minh Dũng	16/12/2003	Nam	7.0	7.0	3.5	7.0	24.5	50
51	Hoàng Bình Dương	10/05/2003	Nữ	6.0	6.5	5.5	5.5	23.5	51
52	Lê Tùng Duy	28/11/2003	Nam	7.5	8.0	2.0	5.5	23.0	52
53	Phạm Thị Mỹ Duyên	20/02/2004	Nữ	5.5	5.5	6.0	5.0	22.0	53
54	Vũ Phương Duyên	13/10/2004	Nữ	6.0	7.5	5.0	6.5	25.0	54
55	Vũ Thị Hồng Duyên	20/10/2004	Nữ	4.5	6.5	5.0	7.0	23.0	55
56	Cao Thu Giang	07/04/2004	Nữ	6.5	7.0	5.0	7.5	26.0	56

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm KN Nghe	Điểm KN Đọc	Điểm KN Viết	Điểm KN Nói	Tổng điểm	Số chứng nhận
57	Nguyễn Đức Giang	04/12/2003	Nam	8.0	8.0	6.0	7.5	29.5	57
58	Đoàn Thu Hà	07/03/2002	Nữ	5.0	5.5	4.5	5.5	20.5	58
59	Phạm Thị Việt Hà	07/01/2003	Nữ	5.5	7.5	6.5	6.5	26.0	59
60	Lê Trần Bảo Hân	10/11/2003	Nữ	6.0	5.0	3.5	5.5	20.0	60
61	Trần Thị Hiên	19/09/2004	Nữ	6.0	8.0	4.0	4.5	22.5	61
62	Đỗ Thị Minh Hiền	04/08/2004	Nữ	6.0	7.5	6.5	6.5	26.5	62
63	Nguyễn Thị Thu Hiền	05/02/2003	Nữ	5.5	9.0	5.0	5.0	24.5	63
64	Trương Thị Hiền	01/03/2003	Nữ	6.0	8.0	6.0	4.5	24.5	64
65	Hạ Bá Hiếu	15/11/2003	Nam	4.0	7.5	5.0	6.0	22.5	65
66	Nguyễn Đức Hiếu	03/09/2003	Nam	7.0	8.0	4.0	6.0	25.0	66
67	Phạm Duy Hiếu	13/10/2005	Nam	5.0	6.0	5.5	7.0	23.5	67
68	Nguyễn Phương Hoa	13/11/2004	Nữ	7.0	8.5	2.5	5.5	23.5	68
69	Nguyễn Thị Thanh Hoa	21/08/2003	Nữ	5.5	7.5	4.5	5.5	23.0	69
70	Nguyễn Lê Huy Hoàng	26/04/2003	Nam	5.5	6.0	5.0	8.0	24.5	70
71	Trần Nhật Hoàng	23/01/2004	Nam	5.0	8.5	2.0	5.0	20.5	71
72	Nguyễn Mai Hồng	30/06/2004	Nữ	7.5	9.0	6.5	6.0	29.0	72
73	Phạm Văn Hợp	09/11/2004	Nam	7.0	7.5	5.5	5.0	25.0	73
74	Lê Tuấn Hưng	07/05/2003	Nam	4.5	8.0	4.0	5.5	22.0	74
75	Nguyễn Thị Thu Hương	05/10/2003	Nữ	6.5	7.5	5.0	5.0	24.0	75
76	Phạm Quỳnh Hương	16/08/2004	Nữ	5.0	8.0	3.5	8.0	24.5	76
77	Phạm Thanh Hương	17/12/2002	Nữ	6.0	8.5	2.0	5.0	21.5	77
78	Trần Kim Hương	01/12/2003	Nữ	5.0	9.0	6.0	7.5	27.5	78
79	Trần Thu Hương	06/03/2003	Nữ	4.0	8.0	6.0	5.0	23.0	79
80	Vũ Gia Huy	14/09/2003	Nam	9.0	8.5	5.5	8.0	31.0	80
81	Phạm Thị Khánh Huyền	22/12/2004	Nữ	6.0	7.5	5.5	6.0	25.0	81
82	Vũ Thị Khánh Huyền	01/11/2004	Nữ	5.5	7.0	6.5	7.0	26.0	82
83	Bùi Gia Khánh	21/10/2003	Nam	7.0	5.0	1.5	6.5	20.0	83
84	Luyện Nguyễn Trọng Khánh	21/09/2003	Nam	6.5	6.5	4.0	8.0	25.0	84

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm KN Nghe	Điểm KN Đọc	Điểm KN Viết	Điểm KN Nói	Tổng điểm	Số chứng nhận
85	Nguyễn Ngọc Khánh	19/02/2003	Nữ	7.5	7.5	3.0	8.0	26.0	85
86	Vũ Đắc Khánh	19/07/2002	Nam	7.5	8.0	1.0	6.0	22.5	86
87	Trần Thị Thanh Lam	22/08/2005	Nữ	6.0	8.0	5.0	5.5	24.5	87
88	Nguyễn Thị Lan	30/04/2002	Nữ	7.0	7.5	2.0	6.5	23.0	88
89	Trần Mỹ Lê	06/08/2003	Nữ	7.0	7.5	3.0	5.5	23.0	89
90	Nguyễn Thùy Liên	23/04/2005	Nữ	6.5	7.0	3.0	7.0	23.5	90
91	Bùi Nhật Linh	29/12/2003	Nam	5.5	8.0	2.5	6.0	22.0	91
92	Đinh Hương Thùy Linh	11/12/2004	Nữ	6.0	7.5	3.0	5.5	22.0	92
93	Đỗ Phương Bảo Linh	9/11/2004	Nữ	5.5	7.0	2.5	6.0	21.0	93
94	Lê Trang Thùy Linh	26/12/2003	Nữ	5.5	7.5	3.0	7.5	23.5	94
95	Nguyễn Ngọc Thùy Linh	03/07/2003	Nữ	5.0	5.0	6.0	6.5	22.5	95
96	Nguyễn Thị Diệu Linh	12/09/2004	Nữ	5.5	6.0	4.0	7.0	22.5	96
97	Nguyễn Thị Ngọc Linh	21/10/2003	Nữ	5.5	5.5	3.0	7.0	21.0	97
98	Trần Thị Thủy Linh	31/10/2005	Nữ	6.0	6.0	5.0	5.5	22.5	98
99	Bùi Thị Diệu Linh	14/05/2004	Nữ	6.0	6.0	5.0	7.0	24.0	99
100	Đỗ Phương Linh	03/11/2004	Nữ	5.5	7.5	4.0	7.5	24.5	100
101	Nguyễn Khánh Linh	09/12/2005	Nữ	6.0	6.5	4.0	8.5	25.0	101
102	Nguyễn Thùy Linh	15/07/2004	Nữ	7.5	7.0	4.0	5.0	23.5	102
103	Phạm Thị Loan	16/11/2003	Nữ	7.5	7.0	3.5	4.0	22.0	103
104	Lê Trần Long	09/06/2003	Nam	5.0	6.5	2.5	6.5	20.5	104
105	Phạm Phi Long	14/11/2000	Nam	6.0	5.0	3.0	7.5	21.5	105
106	Nguyễn Hương Ly	07/09/2005	Nữ	7.0	8.5	5.0	8.0	28.5	106
107	Nguyễn Thị Phương Ly	01/11/2003	Nữ	7.0	8.5	5.0	5.5	26.0	107
108	Phạm Khánh Ly	13/06/2005	Nữ	6.5	7.5	2.0	5.0	21.0	108
109	Trần Thị Hà Ly	13/05/2005	Nữ	6.5	7.5	2.0	5.0	21.0	109
110	Nguyễn Thị Tuyết Mai	08/07/2004	Nữ	5.5	7.5	3.5	7.0	23.5	110
111	Nguyễn Phương Mai	28/11/2004	Nữ	5.5	8.5	2.0	5.5	21.5	111
112	Trương Thị Thanh Mai	08/10/2004	Nữ	7.5	9.0	5.0	6.0	27.5	112

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm KN Nghe	Điểm KN Đọc	Điểm KN Viết	Điểm KN Nói	Tổng điểm	Số chứng nhận
113	Phạm Thị Hồng Mến	27/02/2003	Nữ	6.5	9.0	5.0	6.5	27.0	113
114	Trần Xuân Minh	25/12/2002	Nam	7.0	9.5	3.0	4.0	23.5	114
115	Dương Hà My	10/02/2004	Nữ	9.0	9.0	7.0	8.0	33.0	115
116	Đặng Ngọc My	21/01/2003	Nữ	8.0	8.0	5.0	9.0	30.0	116
117	Bùi Thị Thanh Nga	08/04/2004	Nữ	6.5	9.5	3.0	3.0	22.0	117
118	Nguyễn Phương Nga	01/05/2003	Nữ	9.0	9.5	6.0	9.0	33.5	118
119	Phạm Hằng Nga	05/07/2003	Nữ	8.0	9.5	5.0	8.0	30.5	119
120	Tăng Thị Nga	23/01/2004	Nữ	7.5	6.0	6.0	8.0	27.5	120
121	Hoàng Kim Ngân	27/10/2003	Nữ	4.5	7.5	1.0	8.0	21.0	121
122	Nguyễn Thị Ngân	15/03/2004	Nữ	5.5	7.5	5.5	6.5	25.0	122
123	Dương Thành Nghĩa	22/01/2003	Nam	5.5	7.5	3.5	6.0	22.5	123
124	Nguyễn Chính Nghĩa	28/11/2003	Nam	5.5	6.5	4.0	8.0	24.0	124
125	Dương Ánh Ngọc	07/08/2003	Nữ	7.0	8.5	6.0	6.5	28.0	125
126	Lê Thị Thu Ngọc	02/03/2001	Nữ	8.0	8.0	7.5	7.0	30.5	126
127	Lê Vân Ngọc	30/05/2001	Nữ	4.0	7.5	6.5	6.5	24.5	127
128	Phạm Thị Bích Ngọc	30/09/2004	Nữ	5.0	6.5	6.0	6.0	23.5	128
129	Trần Bích Ngọc	18/08/2004	Nữ	5.0	8.5	6.0	4.5	24.0	129
130	Nguyễn Phúc Đức Nguyên	12/09/2003	Nam	6.0	8.0	5.5	7.5	27.0	130
131	Võ Ngọc Phương Nguyên	29/10/2004	Nữ	6.0	7.5	7.5	8.0	29.0	131
132	Bùi Thị Yến Nhi	28/12/2003	Nữ	6.0	6.5	6.5	7.5	26.5	132
133	Lê Thị Ánh Nhi	25/05/2005	Nữ	6.0	6.0	6.0	6.0	24.0	133
134	Lê Vân Nhi	13/10/2005	Nữ	7.0	7.0	6.5	8.5	29.0	134
135	Nguyễn Thị Yến Nhi	13/09/2004	Nữ	8.5	7.5	8.0	6.0	30.0	135
136	Nguyễn Yến Nhi	08/08/2004	Nữ	4.0	7.5	6.5	4.0	22.0	136
137	Nguyễn Thị Hồng Nhung	06/10/2003	Nữ	7.0	8.5	7.0	4.0	26.5	137
138	Riêu Thị Hồng Nhung	19/11/2004	Nữ	5.5	7.0	7.5	6.5	26.5	138
139	Mai Thị Hồng Nhung	21/10/2005	Nữ	5.0	8.5	7.0	7.0	27.5	139
140	Nguyễn Hồng Nhung	20/02/2004	Nữ	5.5	7.5	7.5	8.5	29.0	140

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm KN Nghe	Điểm KN Đọc	Điểm KN Viết	Điểm KN Nói	Tổng điểm	Số chứng nhận
141	Trần Thị Hồng Nhung	24/04/2003	Nữ	6.0	8.5	7.5	7.0	29.0	141
142	Ma Thị Nu	02/07/2003	Nữ	6.0	5.5	5.5	5.5	22.5	142
143	Bùi Thị Kim Oanh	27/09/2004	Nữ	6.5	9.5	7.0	4.0	27.0	143
144	Lê Nguyễn Hoàng Oanh	01/04/2003	Nữ	6.0	9.5	7.0	6.0	28.5	144
145	Lường Thị Kim Oanh	24/10/2004	Nữ	6.0	9.5	7.0	4.0	26.5	145
146	Đỗ Tuấn Phong	15/02/2003	Nam	4.5	9.5	5.0	7.0	26.0	146
147	Mai Tuấn Phong	19/08/2003	Nam	5.5	9.0	7.5	4.5	26.5	147
148	Phạm Lê Phong	07/10/2002	Nam	5.0	10.0	7.0	3.0	25.0	148
149	Lê Thanh Phong	05/09/2003	Nam	7.5	10.0	8.0	3.0	28.5	149
150	Đình Tú Phương	07/11/2003	Nữ	7.5	9.5	6.0	4.0	27.0	150
151	Lê Thị Minh Phương	28/12/2003	Nữ	6.0	9.5	6.0	3.0	24.5	151
152	Hoàng Minh Phương	06/07/2005	Nữ	7.5	6.5	5.5	6.5	26.0	152
153	Hoàng Đức Quân	31/01/2002	Nam	5.5	8.5	4.0	4.5	22.5	153
154	Nguyễn Minh Quân	03/02/2003	Nam	8.0	7.5	3.0	4.0	22.5	154
155	Lê Minh Quang	05/11/2000	Nam	9.5	9.0	8.5	7.5	34.5	155
156	Phạm Văn Quang	02/06/2000	Nam	6.0	6.5	6.0	4.5	23.0	156
157	Nguyễn Việt Quang	14/07/2003	Nam	5.5	6.5	6.5	6.5	25.0	157
158	Dương Thúy Quỳnh	20/01/2004	Nữ	7.0	8.0	6.0	6.0	27.0	158
159	Nguyễn Việt Trường Sơn	29/08/2003	Nam	9.0	9.0	7.0	8.0	33.0	159
160	Nguyễn Thị Nguyệt Tâm	12/10/2003	Nữ	5.5	7.5	2.0	5.0	20.0	160
161	Hoàng Kim Việt Tân	26/02/2003	Nam	6.0	7.0	4.0	6.0	23.0	161
162	Lê Minh Tân	11/07/2003	Nam	5.5	6.5	6.0	5.0	23.0	162
163	Lê Phương Thanh	21/04/2002	Nữ	6.0	4.0	5.0	5.0	20.0	163
164	Giang Phương Thảo	09/10/2003	Nữ	5.5	6.0	6.5	4.0	22.0	164
165	Hoàng Thị Thảo	09/01/2004	Nữ	6.5	6.0	6.5	6.0	25.0	165
166	Lê Minh Thảo	14/11/2003	Nữ	5.5	6.5	5.0	6.0	23.0	166
167	Nguyễn Ngọc Thảo	10/11/2004	Nữ	7.0	5.5	7.5	6.0	26.0	167
168	Nguyễn Phương Thảo	11/01/2004	Nữ	5.5	7.0	7.0	6.0	25.5	168

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm KN Nghe	Điểm KN Đọc	Điểm KN Viết	Điểm KN Nói	Tổng điểm	Số chứng nhận
169	Phan Thanh Thảo	05/06/2004	Nữ	5.5	8.5	6.0	4.5	24.5	169
170	Vũ Phương Thảo	08/10/2003	Nữ	5.5	7.5	6.5	5.0	24.5	170
171	Vũ Thị Phương Thảo	15/06/2003	Nữ	5.0	8.0	6.0	4.0	23.0	171
172	Lương Thị Bích Thảo	07/07/2004	Nữ	7.5	7.5	7.0	6.0	28.0	172
173	Nguyễn Thanh Thảo	05/03/2004	Nữ	7.0	7.5	7.0	6.0	27.5	173
174	Phạm Thị Phương Thảo	07/04/2003	Nữ	6.0	7.0	6.0	6.0	25.0	174
175	Nguyễn Thanh Thịnh	21/04/2004	Nữ	7.0	7.0	6.5	6.0	26.5	175
176	Phạm Thị Tho	19/10/2004	Nữ	5.0	6.0	5.5	6.0	22.5	176
177	Nguyễn Quang Thọ	26/10/2004	Nam	6.5	8.5	8.0	7.5	30.5	177
178	Hà Phương Thu	30/10/2005	Nữ	7.0	7.0	7.5	7.0	28.5	178
179	Nguyễn Thị Thu	06/06/2004	Nữ	5.0	8.5	6.5	7.0	27.0	179
180	Lê Thị Thủy	06/04/2003	Nữ	7.0	6.5	5.5	4.0	23.0	180
181	Đặng Thu Thủy	15/08/2005	Nữ	5.5	5.0	6.5	7.0	24.0	181
182	Phạm Trọng Thủy	23/09/2004	Nam	6.0	6.5	4.0	6.5	23.0	182
183	Vũ Thu Thủy	28/09/2003	Nữ	9.0	8.5	6.0	7.5	31.0	183
184	Đỗ Thị Thủy Tiên	26/11/2003	Nữ	6.0	7.5	5.5	8.0	27.0	184
185	Phan Thanh Trà	21/12/2002	Nữ	7.0	4.0	5.5	5.5	22.0	185
186	Nguyễn Trần Thủy Trâm	04/08/2005	Nữ	7.0	7.0	5.5	5.0	24.5	186
187	Âu Quỳnh Trang	15/04/2002	Nữ	8.0	8.0	6.0	7.5	29.5	187
188	Đỗ Thị Trang	27/09/2002	Nữ	7.5	8.0	6.0	6.0	27.5	188
189	Nguyễn Hồ Thu Trang	22/11/2003	Nữ	7.0	6.5	5.5	5.0	24.0	189
190	Nguyễn Thị Huyền Trang	15/10/2004	Nữ	5.5	7.5	5.5	5.0	23.5	190
191	Nguyễn Thị Trang	05/07/2003	Nữ	7.0	7.5	7.0	3.5	25.0	191
192	Nguyễn Phúc Trang	25/04/2005	Nữ	6.5	8.0	7.0	5.0	26.5	192
193	Nguyễn Thành Trung	07/09/2003	Nam	5.0	9.0	6.0	5.5	25.5	193
194	Lương Quang Trường	15/08/2004	Nam	5.5	7.5	7.0	7.5	27.5	194
195	Phan Thị Thanh Tú	13/05/2004	Nữ	5.5	8.0	5.0	3.5	22.0	195
196	Hoàng Anh Tú	28/05/2003	Nữ	4.5	8.5	7.5	7.0	27.5	196

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm KN Nghe	Điểm KN Đọc	Điểm KN Viết	Điểm KN Nói	Tổng điểm	Số chứng nhận
197	Phan Nhật Tuấn	08/08/2003	Nam	8.5	7.5	7.0	8.0	31.0	197
198	Bùi Anh Tùng	25/03/2002	Nam	7.5	7.0	6.5	7.0	28.0	198
199	Nguyễn Thanh Tùng	23/06/2003	Nam	9.0	8.0	5.5	5.0	27.5	199
200	Vũ Thanh Tùng	07/09/2004	Nam	7.5	8.5	7.5	8.0	31.5	200
201	Nguyễn Thị Tuyết	05/01/2004	Nữ	8.0	8.0	6.5	5.0	27.5	201
202	Hồ Thảo Uyên	30/06/2004	Nữ	9.0	8.5	7.0	6.0	30.5	202
203	Nguyễn Thu Uyên	06/07/2001	Nữ	5.0	9.5	6.0	7.0	27.5	203
204	Trần Thảo Vân	20/06/2003	Nữ	5.5	9.0	7.0	5.5	27.0	204
205	Trần Thị Huyền Vân	08/02/2004	Nữ	5.5	9.5	6.0	8.0	29.0	205
206	Dương Thị Thanh Vân	25/07/2001	Nữ	4.5	7.5	5.5	6.0	23.5	206
207	Nguyễn Đức Việt	14/02/2003	Nam	9.0	8.5	7.0	7.5	32.0	207
208	Nguyễn Hoàng Việt	06/03/2003	Nam	7.5	8.5	7.5	8.0	31.5	208
209	Triệu Quốc Việt	29/07/2002	Nam	7.5	9.0	6.5	9.0	32.0	209
210	Đoàn Quang Vinh	01/08/2002	Nam	7.0	8.0	7.5	9.0	31.5	210
211	Trần Thành Vinh	30/04/2002	Nam	8.0	8.5	6.5	8.5	31.5	211
212	Hoàng Nguyên Vũ	20/03/2003	Nam	8.5	8.5	3.5	7.5	28.0	212
213	Nguyễn Tiến Hoàng Vũ	25/07/2003	Nam	6.5	9.0	2.5	6.5	24.5	213
214	Vũ Thị Thanh Xuân	16/04/2003	Nữ	7.0	9.0	7.5	8.0	31.5	214
215	Khúc Hải Yến	10/01/2002	Nữ	5.0	7.5	6.5	3.5	22.5	215
216	Lại Hoàng Yến	23/10/2004	Nữ	5.5	8.5	5.5	5.5	25.0	216
217	Bùi Quang Vinh	09/10/2005	Nam	3.5	7.0	7.0	6.0	23.5	217